

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 5 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI TỈNH THANH HÓA

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần. Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng ngọt) mực nước dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi. Hạ lưu sông Yên và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy triều.

Mực nước trung bình tháng phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu sông Mã tại TV Lý Nhân, sông Chu tại TV Xuân Khánh, sông Bưởi ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là $87.4\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 9.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 29.0%; tại trạm TV Cẩm Thủy là $159\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 18.0% và tương đương cùng kỳ năm 2025. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là $64.3\text{m}^3/\text{s}$, thấp hơn so với TBNN cùng kỳ là 8.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 2.0%.

Tình hình hồ chứa:

Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/01/5 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 156.72m, thấp hơn so với MNDBT là 3.28m, đạt 88.7% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 96.67m, thấp hơn MNDBT là 13.33m, đạt 65.9% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 227.34m, thấp hơn so với MNDBT là 12.66m, đạt 59.2% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 30.82m, thấp hơn MNDBT là 2.18m, đạt 75.7% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 16.65m, thấp hơn MNDBT là 3.71m, đạt 66.4% so với dung tích được tích.

2. Dự báo, cảnh báo

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Thời kỳ nửa đầu tháng, mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần; thời kỳ nửa cuối tháng mực nước dao động nhỏ và có khả năng xuất hiện lũ nhỏ (lũ tiêu mẫn).

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mức nước lớn nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng, mức nước nhỏ nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ giữa tháng, mức nước trung bình tháng tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu, sông Bưởi ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất tháng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng; mức nước trung bình tháng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng có khả năng xảy ra xâm nhập mặn ở vùng cửa sông ven biển.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Xâm nhập mặn có khả năng gây ra thiếu nước cục bộ cho sinh hoạt, tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp tại một số thời điểm do xâm mặn lấn sâu vào vùng Cửa sông ven biển.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/6/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/5/2026

Dự báo viên: Nguyễn Thị Hoa

GIÁM ĐỐC



ĐẠI KHÍ TƯỚNG
THỦY VĂN
TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm tháng 05/2026

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo tháng trước			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			11 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16367	16398	16341	16363	16400	16350	16350	16430	16350	16430	16530	16360	16381	16530	16350
Mã	Hồi Xuân	5393	5424	5356	5388	5430	5355	5390	5440	5345	5410	5460	5345	5396	5460	5345
Mã	Cẩm Thủy	1164	1226	1122	1158	1230	1125	1160	1240	1125	1190	1300	1130	1169	1300	1125
Mã	Lý Nhân	143	197	100	145	200	110	160	230	105	250	300	130	185	300	105
Mã	Giàng	36	186	-104	31	180	-92	40	210	-120	48	205	-115	40	210	-120
Mã	Quảng Châu	14	157	-131	10	150	-115	18	160	-140	25	190	-120	18	190	-140
Lên	Lên	77	237	-55	71	228	-50	78	245	-60	85	240	-55	78	245	-60
Lên	Cụ Thôn	66	225	-66	61	215	-60	68	240	-75	75	220	-70	68	240	-75
Âm	Lang Chánh	4679	4702	4674	4681	4700	4678	4690	4710	4680	4705	4780	4900	4692	4780	4678
Chu	Cửa Đạt	2725	2751	2654	2723	2750	2657	2720	2750	2660	2720	2770	2660	2721	2770	2657
Chu	Bái Thượng	1084	1165	1011	1085	1130	1010	1085	1135	1010	1120	1210	1010	1097	1210	1010
Chu	Xuân Khánh	115	172	51	113	175	70	120	185	90	180	260	100	138	260	70
Bưởi	Thạch Quảng	646	669	634	638	700	635	660	720	650	720	820	660	673	820	635
Bưởi	Kim Tân	197	236	171	205	250	180	210	300	190	280	450	200	232	450	180
Yên	Chuối	30	110	-44	31	100	-30	35	150	-45	50	170	-30	39	170	-45
Yên	Ngọc Trà	18	136	-108	20	128	-85	23	140	-110	25	135	-100	23	140	-110

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



